

Bản án số: 66/2026/HS-ST
Ngày: 15-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm.
2. Ông Lương Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026; các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa hình sự số 1001/2026/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2026 và số 1005/2026/TB-TA ngày 22 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn C, sinh ngày 06/10/1988, tại **xã Đ, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà **Trần Thị T**; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2025. *Có mặt.*

- Bị hại: anh **Trần Quang T1**, sinh năm 1996. *Có mặt.*

Địa chỉ: **tổ A, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Nguyễn Thị Huyền D**, sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

+ Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1966. *Vắng mặt.*

+ Ông **Đỗ Minh H**, sinh năm 1979. *Có mặt.*

- *Người làm chứng:*

+ Ông **Huỳnh Minh H1**, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

+ Ông **Đặng Ngọc Q**, sinh năm 1976. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: **thôn Đ, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.**

+ Ông **Lưu Văn D1**, sinh năm 1992. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: **tổ C, thôn A, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 09/6/2025, anh **Trần Quang T1**, anh **Phan Văn T2**, anh **Lưu Văn D1** và anh **Lê Văn N** đến **quán D2** (thuộc **thôn Đ, xã Đ, thành phố Đà Nẵng**) của chị **Nguyễn Thị Huyền D** để nhậu. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo **C** cùng với anh **T3** đến **quán D2** để tìm điện thoại di động của bị cáo để quên trước đó. Khi vào quán gặp anh **T1**, anh **T3** và bị cáo **C** ngồi vào bàn nhậu cùng. Một lúc sau, bị cáo **C** chửi thề và xảy ra mâu thuẫn với anh **T1**. Do thấy bị cáo say nên anh **T1** đi ra khu vực đất trống bên trái của quán. Tuy nhiên, bị cáo **C** vẫn tiếp tục gây gổ với những người trên bàn nhậu nên anh **T1** vào lại bàn và gọi chị **D** thanh toán tiền đề ra về. Thấy vậy, bị cáo **C** đập bàn, hất ghế và tiếp tục gây gổ với anh **T1**. Anh **T1** tức giận, đập bẻ một vỏ chai bia Huda (loại chai thủy tinh, màu xanh) rồi chỉ về phía bị cáo **C** nói: “*Tôi nhịn ông nhiều lắm rồi đó nghe! Ông rút về chứ không tôi đánh ông đó*”. Sau đó, bị cáo **C** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92M1 – 183.82 rời khỏi quán. Bị cáo đi đến nhà bà **Phan Thị B** lấy 01 con dao có lưỡi bằng kim loại dài 100,2 cm rồi điều khiển xe mô tô quay lại **quán D2**. Bị cáo **C** dừng xe trước bãi đất trống bên trái của quán, lấy con dao lờ trên xe định xông vào quán tìm anh **T1** để đánh. Anh **T1** vừa đi vệ sinh từ sau quán ra đến bãi đất trống bên trái của quán, thấy bị cáo **C** đang cầm dao tiến về phía mình nên anh **T1** liền cầm lấy cái xẻng ở gần đó để phòng vệ. Bị cáo **C** xông tới cầm dao bằng hai tay chém từ trên xuống thì anh **T1** đưa ngang cây xẻng lên đỡ nên bị lùi về phía sau và té ngã làm rơi cây xẻng. Khi anh **T1** đang nằm ngửa trên bãi cỏ, bị cáo **C** tiến lại đứng bên trái của anh **T1**, cầm dao bằng hai tay chém vào người anh **T1**. Thấy vậy, anh **T1** đưa tay trái lên đỡ thì lưỡi dao trúng vào lòng bàn tay anh **T1** gây thương tích. Sau khi chém anh **T1**, cán dao lờ của bị cáo bị gãy nên anh **T3** và anh **N** ở gần đó xông vào ôm bị cáo **C** lại để ngăn ra. Anh **T2** và anh **D1** đưa anh **T1** đến **bệnh viện T4** để cấp cứu rồi chuyển ra **Bệnh viện Đ** tiếp tục điều trị.

Sau đó, bị cáo **C** điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà, bị cáo **C** lấy một con dao lõ và một lưỡi liềm lặn vào hai bên lưng quần rồi điều khiển xe mô tô BKS 92M1 – 183.82 theo đường bê tông liên thôn đi khoảng 1,5 km từ hướng **G** về ngã tư **thôn Đ, xã Đ**. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, anh **Đỗ Minh H** nhận được tin báo của quần chúng nhân dân là có đối tượng cầm hung khí điều khiển xe mô tô đi ngoài đường. Anh **H** không báo về chỉ huy Công an xã để phân công nhiệm vụ mà trực tiếp chạy đến ngã tư **thôn Đ**, phát hiện bị cáo **C** điều khiển xe mô tô có mang theo hung khí nên chặn đầu xe của bị cáo **C** lại để khống chế, thu giữ một con dao lõ và một lưỡi liềm. Khi bị cáo **C** gây mất trật tự tại ngã tư **thôn Đ** thì có đông người dân dừng tập trung để xem sự việc. Sau khi thu giữ được hung khí, anh **H** mang vào trụ sở **Công an xã B** cũ (nằm trong khuôn viên của **Ủy ban nhân dân xã B** cũ). Bị cáo **C** đuổi theo anh **H** nắm cổ áo anh **H** định đánh nhưng không đánh được. Khi anh **H** chạy vào trong trụ sở **Công an xã B**, bị cáo **C** dùng một cục đá ném về phía anh **H** nhưng không trúng. Bị cáo **C** quay ra đứng trước cổng trụ sở **Ủy ban nhân dân xã L**, gây mất an ninh trật tự tại khu vực khuôn viên trụ sở **Ủy ban nhân dân xã T5** khoảng 05 - 10 phút. Sau đó, mọi người can ngăn đưa **C** về nhà.

Tại Công văn số 689 ngày 18/12/2025 của **Ủy ban nhân dân xã Đ** thể hiện: *“Hành vi của **Trần Văn C** là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có tính chất côn đồ, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại (anh **Trần Quang T1**), ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cán bộ chiến sỹ Công an và người dân sống xung quanh, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; xâm phạm trực tiếp đến trụ sở ở điểm nhà nước nơi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương. Đồng thời, hành vi của **Trần Văn C** còn thể hiện sự coi thường pháp luật, thách thức cơ quan chức năng, nếu không được xử lý nghiêm sẽ tạo tiền lệ xấu, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.”*

Tại Kết luận giám định số 277/KLTTCT-TTPY, ngày 25/7/2025 của **Trung Pháp y tỉnh Q** kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh **Trần Quang T1** tại thời điểm giám định là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Tại Kết luận giám định số 1183/KL-KTHS, ngày 01/08/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Con dao gửi giám định thuộc Phụ lục 5, "Danh mục dao có tính sát thương cao" theo quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của **Bộ C1**.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) dao lõ dài 98.5cm, lưỡi bằng kim loại dài 41,5 cm, phần lưỡi rộng nhất 5 cm, mũi dao dạng hình mũi dao; cán dao bằng tre dài 57cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 02 (hai) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) lưỡi liềm dài 52 cm, lưỡi bằng kim loại dài 28 cm, đầu lưỡi liềm cong quắp, mũi nhọn; cán lưỡi liềm bằng cây gỗ dài 24 cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi

có 03 (ba) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) cục đá (loại đá núi) dạng hình khối chữ nhật, kích thước cỡ rộng nhất là (30 x 15 x 14) cm, trên bề mặt cục đá có dính vết màu nâu sẫm nghi là máu; 01 (một) cây xẻng dài 174 cm, cán bằng tre dài 149,8 cm, đường kính lớn nhất của cán 4,5 cm, lưỡi xẻng bằng kim loại màu đen, rộng 24 cm, dài 40,7 cm (kể cả phần kim loại gắn vào cán); 01 (một) con dao lữ (loại dao cắt chuối) dài 100,2 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 44,3 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, đoạn giữa phần lưỡi bị khuyết, cán dao bằng ống tre tròn đường kính 3,3 cm; tổng chiều dài của cán dao là 55,9 cm; trong đó phần cán bị gãy dài 37,3 cm, phần cán gắn liền với lưỡi dao dài 18,6 cm (đây là con dao bị cáo đã dùng để chém T1 gây thương tích).

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng. Nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV6-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Trần Văn C** về các tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134, “*Sử dụng vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304, “*Gây rối trật tự công cộng*” theo các điểm b, đ khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Văn C** phạm các tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134; “*Sử dụng vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304; “*Gây rối trật tự công cộng*” theo các điểm b, đ khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; các điểm b, đ khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo **Trần Văn C** từ 24 đến 30 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, 12 đến 18 tháng tù về tội “*Sử dụng vũ khí quân dụng*” và 24 đến 30 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo **Trần Văn C** là 05 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (25/8/2025).

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao lữ dài 98.5cm, lưỡi bằng kim loại dài 41,5 cm, phần lưỡi rộng nhất 5 cm, mũi dao dạng hình mũi dao; cán dao bằng tre dài 57cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 02 (hai) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) lưỡi liềm dài 52 cm, lưỡi bằng kim loại dài 28 cm, đầu lưỡi liềm cong quắp, mũi nhọn; cán lưỡi liềm bằng cây gỗ dài 24 cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 03 (ba) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) cục đá (loại đá núi) dạng hình khối chữ nhật, kích thước cỡ rộng nhất là (30 x 15 x 14) cm, trên bề mặt cục đá có dính vết màu nâu sẫm nghi là máu; 01 (một) con dao lữ (loại dao cắt chuối) dài 100,2 cm; lưỡi dao bằng kim loại

màu đen dài 44,3 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, đoạn giữa phần lưỡi bị khuyết, cán dao bằng ống tre tròn đường kính 3,3 cm; tổng chiều dài của cán dao là 55,9 cm; trong đó phần cán bị gãy dài 37,3 cm, phần cán gắn liền với lưỡi dao dài 18,6 cm (đây là con dao bị cáo đã dùng để chém **T1** gây thương tích); trả lại cho chi **D 01** (một) cây xẻng dài 174 cm, cán bằng tre dài 149,8 cm, đường kính lớn nhất của cán 4,5 cm, lưỡi xẻng bằng kim loại màu đen, rộng 24 cm, dài 40,7 cm (kể cả phần kim loại gắn vào cán).

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 17 giờ ngày 09/6/2025, tại **quán D2** thuộc **thôn Đ, xã Đ, thành phố Đà Nẵng**, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất, bị cáo **Trần Văn C** dùng một con dao có

lưỡi bằng kim loại chém vào tay trái của anh **Trần Quang T1** gây thương tích với tỉ lệ 25%. Tại Kết luận giám định số 1183/KL-KTHS, ngày 01/08/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Con dao **Trần Văn C** sử dụng gây thương tích cho **Trần Quang T1** thuộc Phụ lục 5, "Danh mục dao có tính sát thương cao" theo quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của **Bộ C1**. Sau đó, bị cáo **C** về nhà tiếp tục mang theo một con dao lờ và một lưỡi liềm điều khiển xe mô tô đi trên các tuyến đường trên địa bàn **xã Đ**. Khi bị cáo **C** điều khiển xe mô tô đi đến ngã tư **thôn Đ, xã Đ** thì được anh **Đỗ Minh H** - Tổ phó tổ bảo vệ An ninh trật tự thôn đến ngăn cản, thu giữ hung khí của **Trần Văn C** để chấm dứt hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo **C** không chấp hành mà tiếp tục có hành vi đòi đánh và ném đá về phía anh **H** nhưng không trúng. Lúc này, có nhiều người dân tập trung tại ngã tư **thôn Đ, xã Đ** để xem **C** xô xát với anh **H**. Ngay sau đó, bị cáo **C** đứng trước công trụ sở **Ủy ban nhân dân xã L**, gây mất an ninh trật tự tại khu vực khuôn viên trụ sở **Ủy ban nhân dân xã K** - 10 phút.

Như vậy, hành vi trên của bị cáo **C** đã phạm vào các tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134, “*Sử dụng vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304, “*Gây rối trật tự công cộng*” theo các điểm b, đ khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Vì vậy, Cáo trạng số 02/CT-VKSKV6-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: sức khỏe của mọi công dân luôn được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là trái pháp luật. Vì mâu thuẫn nhỏ nhất, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của anh **T1**. Hung khí mà bị cáo sử dụng gây thương tích cho anh **T1** nằm trong "Danh mục dao có tính sát thương cao" theo quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của **Bộ C1**. Hành vi gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của những người đang thi hành công vụ, đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi tai nạn xảy

6

ra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin không khởi tố hình sự và bãi nại đối với bị cáo; gia đình bị cáo có công cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Đối với tội “Cố ý gây thương tích”, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao lưỡi dài 98.5cm, lưỡi bằng kim loại dài 41,5 cm, phần lưỡi rộng nhất 5 cm, mũi dao dạng hình mũi dao; cán dao bằng tre dài 57cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 02 (hai) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) lưỡi liềm dài 52 cm, lưỡi bằng kim loại dài 28 cm, đầu lưỡi liềm cong quắp, mũi nhọn; cán lưỡi liềm bằng cây gỗ dài 24 cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 03 (ba) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) cục đá (loại đá núi) dạng hình khối chữ nhật, kích thước cỡ rộng nhất là (30 x 15 x 14) cm, trên bề mặt cục đá có dính vết màu nâu sẫm nghi là máu; 01 (một) con dao lưỡi (loại dao cắt chuối) dài 100,2 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 44,3 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, đoạn giữa phần lưỡi bị khuyết, cán dao bằng ống tre tròn đường kính 3,3 cm; tổng chiều dài của cán dao là 55,9 cm; trong đó phần cán bị gãy dài 37,3 cm, phần cán gắn liền với lưỡi dao dài 18,6 cm (đây là con dao bị cáo đã dùng để chém T1 gây thương tích). Trả lại cho chị D 01 (một) cây xẻng dài 174 cm, cán bằng tre dài 149,8 cm, đường kính lớn nhất của cán 4,5 cm, lưỡi xẻng bằng kim loại màu đen, rộng 24 cm, dài 40,7 cm (kể cả phần kim loại gắn vào cán).

[8]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; các điểm b, đ khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 106, 136, 260, 268, 269, 292, 299, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn C** phạm các tội “*Cố ý gây thương tích*”, “*Sử dụng vũ khí quân dụng*”, “*Gây rối trật tự công cộng*”

Xử phạt: bị cáo **Trần Văn C** 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, 01 (Một) năm tù về tội “*Sử dụng vũ khí quân dụng*” và 02 (H2) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo **Trần Văn C** là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (25/8/2025).

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao lõ dài 98.5cm, lưỡi bằng kim loại dài 41,5 cm, phần lưỡi rộng nhất 5 cm, mũi dao dạng hình mũi dao; cán dao bằng tre dài 57cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 02 (hai) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) lưỡi liềm dài 52 cm, lưỡi bằng kim loại dài 28 cm, đầu lưỡi liềm cong quắp, mũi nhọn; cán lưỡi liềm bằng cây gỗ dài 24 cm, đầu cán tiếp xúc với lưỡi có 03 (ba) vòng khoá bằng kim loại màu đen; 01 (một) cục đá (loại đá núi) dạng hình khối chữ nhật, kích thước chỗ rộng nhất là (30 x 15 x 14) cm, trên bề mặt cục đá có dính vết màu nâu sẫm nghi là máu; 01 (một) con dao lõ (loại dao cắt chuối) dài 100,2 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 44,3 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, đoạn giữa phần lưỡi bị khuyết, cán dao bằng ống tre tròn đường kính 3,3 cm; tổng chiều dài của cán dao là 55,9 cm; trong đó phần cán bị gãy dài 37,3 cm, phần cán gắn liền với lưỡi dao dài 18,6 cm.

- Trả lại cho chị **D** 01 (một) cây xẻng dài 174 cm, cán bằng tre dài 149,8 cm, đường kính lớn nhất của cán 4,5 cm, lưỡi xẻng bằng kim loại màu đen, rộng 24 cm, dài 40,7 cm (kể cả phần kim loại gắn vào cán).

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2026).

4. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15 – 6 – 2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Nẵng;
- Bộ phận HSNV CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan

